



I - NÓI VỀ CỘNG ĐỒNG

1. Nối từ ngữ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B :

A

a) Mái ấm
b) Nương tựa
c) Cộng đồng
d) Chăm sóc
e) Đồng hương

B

1) luôn trông nom, giúp đỡ
2) những người cùng sống ở một vùng hoặc cùng có những điểm giống nhau, gắn bó thành một khối
3) nơi nuôi dạy trẻ mồ côi
4) người cùng quê
5) dựa vào để sống

2. Điền từ thích hợp vào chỗ trống :

TRẺ EM Ở LÀNG SOS

Những đứa trẻ được đón vào nuôi ở (1) SOS đều mồ côi (2) và có hoàn cảnh sống rất khó khăn. Sống dưới mái ấm gia đình trong cộng đồng làng SOS, các em đã gắn bó với nhau, (3) nhau, che chở cho nhau và cùng giúp đỡ (4) vượt qua khó khăn. Ở đây, các em được tạo điều kiện ăn học và phát triển khả năng của mình. Kiến thức các em học được, lòng quyết tâm và tình (5) của các mẹ, các dì giúp các em luôn tự tin xây dựng (6) của mình.

3. Đọc và trả lời câu hỏi :

HAI CON DÊ QUA CẦU

Có một con dê đen và một con dê trắng cùng qua một chiếc cầu rất nhỏ, chỉ đủ cho một con dê đi. Dê đen đi từ bên này sang, dê trắng đi từ bên kia lại. Đến giữa cầu, dê đen nói :

– Tránh ra cho ta đi.

Dê trắng tức giận, bảo :

– Ta không tránh.

Không con nào chịu nhường con nào. Chúng húc nhau và cả hai cùng rơi xuống suối.

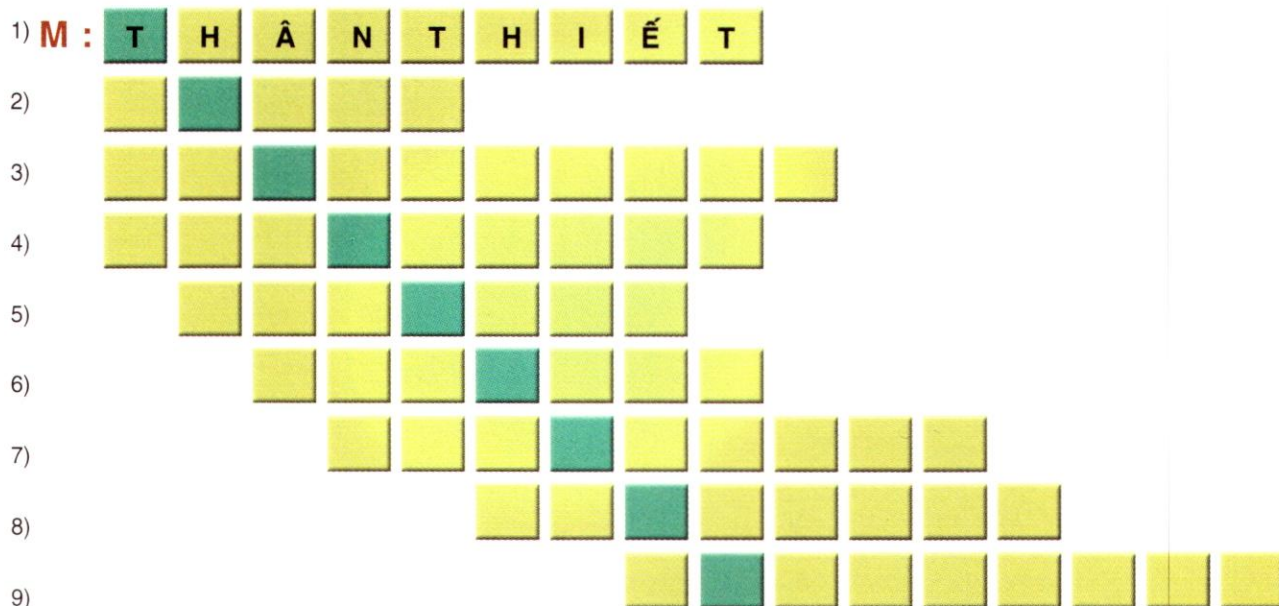




- a) Dê đen và dê trắng đang đi đâu ?
- b) Dê trắng và dê đen nói những gì với nhau ?
- c) Vì sao dê đen và dê trắng đều bị rơi xuống suối ?

4. Trò chơi ô chữ.

- a) Điền từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn vào ô chữ theo hàng ngang.
(*nhường nhịn, thân thiết, làng SOS, quê hương, đoàn kết, trường học, cha mẹ, nuôi dưỡng, khuyên bảo*)
- Dòng 1 : Có tình cảm gần bó, gần gũi như ruột thịt.
- Dòng 2 : Từ cùng nghĩa với từ *ba má*.
- Dòng 3 : Chịu phần kém về mình, dành cho người khác phần hơn.
- Dòng 4 : Nơi học sinh đến học.
- Dòng 5 : Gắn với nhau thành một khối.
- Dòng 6 : Nơi nuôi trẻ mồ côi theo sáng kiến của ông Hermann Gmeiner.
- Dòng 7 : Bảo ban những điều hay lẽ phải.
- Dòng 8 : Nơi gia đình, dòng họ đã làm ăn, sinh sống nhiều đời.
- Dòng 9 : Cho ăn uống, chăm sóc.



- b) Đọc từ mới xuất hiện ở ô chữ màu xanh đậm.
- c) Đặt một câu hỏi và một câu trả lời có sử dụng từ vừa tìm được.

5. Nói về những hoạt động từ thiện ở nơi em sinh sống.

Gợi ý :

- a) Gia đình em sinh sống ở đâu ?
- b) Nơi em ở thường có những hoạt động giúp đỡ trẻ mồ côi, người nghèo, người già cô đơn, người khuyết tật,... như thế nào ?
- c) Hãy kể về một hoạt động từ thiện mà em được chứng kiến.

II - NÓI VỀ BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG

1. Nối từ ngữ với chủ đề thích hợp ở ô hình tròn:



2. Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

CẬU XIN MẤY SỐ ?

Chiến rất thích Thu – một cô bạn học cùng trường. Nhưng Chiến không biết nhà Thu ở đâu, Chiến cũng chẳng có số điện thoại của Thu. Một hôm, Chiến tìm được số (1) bàn nhà Thu, Chiến quyết định gọi Thu. Một giọng đàn ông hỏi :

– Anh (2) ai ?

Chiến lúng túng :

– Dạ, dạ, cháu ... cháu tìm Thu. Thu ... Thu ... có nhà ... không, bác ?

- Cái cậu này. Có nhà chứ sao không. Chẳng lẽ chúng tôi ở ngoài (3) à ?
 - Cháu xin lỗi bác. Dạ, cháu ... muốn ... muốn hỏi là Thu có ở nhà không ạ ?
 - Không. Nó vừa ra phố.
 - Thế Thu có điện thoại (4) không, bác ?
 - Có chứ.
 - Cháu có việc cần gặp Thu, bác cho cháu xin số (5) của Thu ạ.
 - Nó có nhiều số lắm. Cậu xin mấy (6) ?
 - Dạ, cháu xin một số thôi ạ.
 - Số 0. Vậy nhé ! Chào cậu.
- Chiến cuống lên :
- Ấy, bác đừng đặt (7) Bác đọc tiếp số (8) của Thu cho cháu với.
 - Cái cậu này ! Sao bảo xin một số thôi ?

3. Hoàn chỉnh hội thoại sau bằng cách gạch chân từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn :

- Ngân : – Hè (này, trước) về Việt Nam, cậu sẽ đi những đâu ?
- Phượng : – Mình sẽ ra Hà Nội, vào Sài Gòn và (đi, về) quê thăm ông bà ngoại. Còn cậu ?
- Ngân : – Mình cũng vậy. À, ở quê cậu đã nối mạng internet chưa (nhỉ, nhé) ?
- Phượng : – Quê mình đã có internet 3 năm nay rồi.
- Ngân : – Mạng viễn thông Việt Nam mình phát triển nhanh (nhỉ, nhé) ! Cậu đã (bao giờ, bao nhiêu) lên Mù Cang Chải (chưa, không) ?
- Phượng : – Mình (chưa, không) đến đó (khi nào, bao giờ). Trên ấy được phủ sóng di động chưa ?
- Ngân : – Mạng viễn thông đã vào tận bản làng quê mình rồi. Chủ nhật này, cậu cùng mình (xuống, lên) Sa Pa rồi về Mù Cang Chải quê mình (nhé, nhỉ).
- Phượng : – Cảm ơn cậu. Vậy mình sẽ gọi (điện, thư) (nói, báo) cho ông bà ngoại thứ năm tuần sau mình mới về được. Cậu cùng về với mình (nhé, nhỉ), chắc ông bà mình vui lắm (à, đấy).

4. Nói về mạng lưới bưu chính – viễn thông ở nơi em sinh sống.

Gợi ý :

- Em sinh sống ở đâu ?
- Hệ thống bưu chính, viễn thông ở đó như thế nào (bưu điện, dịch vụ bưu điện, điện thoại, mạng internet,...) ?
- Em thích sử dụng phương tiện nào ? Vì sao ?

III - NÓI VỀ MUA SẮM, ẨM THỰC

1. Nhìn tranh, miêu tả màu sắc trong tranh :



a) Đây là bé Trúc. Bé mặc váy màu (1), đi giày màu (2), đội mũ (3) Bé Trúc ôm búp bê. Búp bê tóc (4), mặc váy màu (5) nước biển.



b) Đây là cô Nguyệt, mẹ bé Trúc. Có có mái tóc (1) rất đẹp. Cô mặc áo dài màu (2) thêu hoa (3), quần lụa (4), giày (5)



c) Đây là bà Thi, bà của Trúc. Bà mặc áo màu (1), quần lụa cũng màu (2) Tóc bà bạc (3) Bà cầm một chiếc quạt lụa màu (4) lá cây. Bên bà là một chú mèo lông (5) pha trắng đang ngủ.



d) Đây là chú Toàn, bố Trúc. Chú mặc bộ com lê màu (1), cà vạt (2), sơ mi (3) Chú đi giày (4), xách cặp màu (5)

2. Điền từ trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ trống.

(tham quan, nằm, xây dựng, cách, trung tâm thương mại)

CHỢ ĐÔNG BA



Chợ Đông Ba (1) dọc theo bờ bắc sông Hương, bên đường Trần Hưng Đạo, thành phố Huế, (2) cầu Tràng Tiền khoảng 100 m về phía Bắc. Chợ là (3) lớn nhất của tỉnh Thừa Thiên - Huế. Chợ được (4) từ năm 1887. Tổng diện tích chợ là 47 614 m². Mỗi ngày có từ 5 000 đến 7 000 khách đến chợ. Vào những dịp lễ tết, chợ đông hơn, có trên 1 vạn người. Cùng với sông Hương và cầu

Tràng Tiền, chợ Đông Ba là điểm (5) hấp dẫn khách du lịch của xứ Huế.

Theo VNEXPLORER

3. Hoàn thành đoạn hội thoại sau :

Phương : – Bạn đã bao giờ đến Trung tâm thương mại chưa ?

Lân : – Chưa. (1)

Phương : – Ở gần Bờ Hồ, cạnh Bưu điện thành phố.

Lân : – Thế à ? (2)

Phương : – Có rất nhiều mặt hàng.

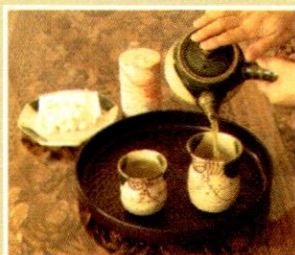
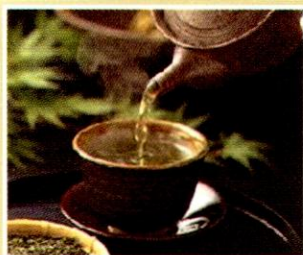
Lân : – (3)

Phương : – Giá hàng không đắt lắm đâu.

Lân : – Vậy thì chủ nhật này chúng mình đi đến đó nhé.

4. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi :

TỤC UỐNG TRÀ



Tục uống trà ở Việt Nam đã có từ lâu đời. Ở nông thôn, người dân hay uống trà xanh. Đó là những lá chè tươi, rửa sạch, pha bằng nước sôi, nước trà thơm dịu, màu xanh ánh vàng, được rót vào bát.

Nói đến nghệ thuật uống trà, người ta nghĩ đến cách uống trà của người Hà Nội. Nếu người dân vùng khác thích uống trà mộc thì người Hà Nội xưa lại thích uống trà ướp sen, trà nhài, trà cúc,... Trà được pha bằng nước mưa trong vắt hoặc sương đọng trên lá sen mà người đi thuyền hứng từng giọt vào buổi sớm. Uống trà là một nét văn hoá của người Hà Nội. Người ta uống từng ngụm nhỏ để thưởng thức vị thơm ngọt của trà và cảm nhận hơi ấm của chén trà ủ nóng bàn tay trong mùa đông lạnh giá.

Theo VĂN HOÁ ẨM THỰC VIỆT NAM

Đánh dấu ☒ vào ☐ trước ý trả lời đúng :

a) Bài văn trên nói về tục lệ gì ?

- ☐ Tục uống trà của người Hà Nội.
- ☐ Tục uống trà của người Việt Nam.
- ☐ Tục uống trà ở nông thôn Việt Nam.

b) Người dân ở nông thôn thường uống loại trà gì ?

- ☐ Trà xanh.
- ☐ Trà mộc.
- ☐ Trà ướp sen, nhài,....

c) Người Hà Nội thích uống loại trà gì ?

- ☐ Trà xanh.
- ☐ Trà mộc.
- ☐ Trà ướp sen, nhài,....

d) Loại nước nào được người đi thuyền hứng từng giọt vào buổi sớm để pha trà ?

- ☐ Sương đọng trên lá sen.
- ☐ Nước mưa đọng trên lá sen.
- ☐ Nước giữa hồ vào buổi sớm.

e) Tại sao uống trà được coi là một nét văn hoá ?

- ☐ Vì uống trà giúp giải khát và chữa bệnh.
- ☐ Vì uống trà làm người ta không biết giá lạnh của mùa đông.
- ☐ Vì uống trà để được thưởng thức và cảm nhận hương vị trà.

5. *Viết tên các cách chế biến thức ăn dưới đây :*

a) Làm chín thức ăn bằng cách đặt trên than hồng hoặc lửa

→

b) Làm chín thức ăn trong nước đun sôi

→

c) Làm chín thức ăn bằng hơi nóng

→

d) Làm chín thức ăn bằng cách đảo đều với dầu, mỡ, muối, nước mắm ở trên bếp

→

e) Làm chín thức ăn trong dầu, mỡ đun sôi

→

IV - MỘT SỐ QUY TẮC NGŨ PHÁP

1. *Điền **nhỉ** hay **nhé** vào chỗ trống thích hợp :*

a) Chiếc điện thoại di động này đẹp

b) Về đến nhà thì gọi điện thoại cho mình biết

c) Cậu ấy đã biết tin này chưa

d) Nhớ gửi e-mail cho mình

e) Lúc nào đến thăm mái ấm Sơn Ca thì nhớ rủ mình cùng đi

g) Hè này, cậu ấy có về Việt Nam không

h) Cậu đi Sa Pa với mình

i) Chúng mình dạy vi tính cho các em nhỏ ở mái ấm Thiên Tân

2. *Đáp lại các câu trên theo mẫu.*

M : – Chiều nay chúng mình đi đá bóng nhé ?

– Ừ, 5 giờ nhé ! / – Tiếc quá ! Chiều nay mình bận rồi.

- a)
- b)
- c)
- d)
- e)
- g)
- h)
- i)

3. Điền **nhỉ** hay **nhé** kèm dấu chấm cảm (!) hay dấu chấm hỏi (?) vào chỗ trống trong mỗi câu sau :

- a) Khi đi, cậu nhớ mang theo sách để tặng trẻ em nghèo
- b) Cái làng ấy có xa không
- c) Các em nhỏ ở nhà Hoa Hồng như là anh chị em ruột ấy
- d) Thím Ba của cậu hiền hậu
- e) Mạng internet ở đây truy cập nhanh
- g) Cậu bảo Nga nhắn tin cho mình
- h) Bài toán này dễ

4. Đáp lại các câu trên.

- a)
- b)
- c)
- d)
- e)
- g)
- h)

5. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh truyện vui sau :

CHỈ SAI CÓ MỘT CHỮ THÔI...



Nam (vừa, đang, sắp) bị điểm O (không) môn địa lí. Nam biết (tại sao, thế nào) cũng bị bố mắng nên vừa về đến nhà Nam đã hỏi bố :

– Hỏi bố đi học có (mấy giờ, bao giờ) bố sai một lỗi mà cô giáo cho điểm O không (hả, ạ) ?

– Sai một lỗi mà cho điểm O à ?

– Vâng. Hôm nay, cô giáo địa lí cho con một điểm O như vậy đấy !

– Thật (nhỉ, à) ? Vậy con viết sai cái (nào, gì) ?

- Con chỉ sai có một chữ thôi.
 - Sai một chữ mà cho không điểm ? Chưa (bao lâu, bao giờ) bố thấy thầy cô chấm điểm như vậy ! Bài của con (đâu, nào) ? Đưa bố xem (đâu, nào) !
 - Đây, bố xem ! Bờ biển nước ta hình chữ S, con viết thành chữ X, vậy mà...
- Theo HOA HỌC TRÒ

6. Sắp xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn theo thứ tự hợp lí để hoàn chỉnh các câu sau :

- a) Lân và Lan rất thích (vườn / cửa / hoa quả / nhà bà ngoại / trong)
- b) bà con và (thời / bạn bè / học sinh) của Giang đều ở (Hải Phòng / biển / thành phố)
- c) (những / tất cả) thứ hoa quả mà Liên vừa mang đến đều hái (trong / từ / ngoại / nhà / vườn)
- d) Lân và nhiều bạn học của Lân rất thích (viễn thông / bưu chính / ngành)
- e) (các / tất cả) tỉnh thành Việt Nam đều đã được (sóng / di động / phủ / điện thoại).
- g) (các / trường học / tất cả / này / vùng, ở) đều đã được nối (internet / mạng / không dây)

7. Điền các từ ngữ chỉ màu sắc vào ô trống theo mẫu.

M : xanh	xanh xanh	xanh lam	xanh nước biển	xanh như ngọc
trắng				
vàng				
đỏ				
đen				

8. Đặt câu theo mẫu.

M : Cô ấy đẹp.

→ Cô ấy đẹp như tiên.

a) Anh Huy khỏe.

b) Chị Hiền cười tươi.

c) Da bà ấy xanh.

d) Em bé đó xinh.

e) Mắt em bé đen.

g) Môi chị ấy đỏ.

h) Da chị ấy trắng.

TỪ NGỮ MỚI

- | | | | |
|--------------|---------------|-----------------|------------------|
| – bảo ban | – hiền hậu | – nữ trang | – tin nhắn |
| – biển | – hoàn cảnh | – nướng | – trà cúc |
| – bờ (biển) | – hồng hào | – phủ sóng | – trà mộc |
| – cảm nhận | – hơi ẩm | – quyết tâm | – trà nhài |
| – chấm điểm | – hứng (nước) | – rót | – trông nom |
| – che chở | – khối | – ruốc | – trong vắt |
| – cô đơn | – khuyên bảo | – sáng kiến | – tủ lạnh |
| – đảo (đều) | – lẽ phải | – thân thiết | – tự tin |
| – động | – lông | – thích thú | – ủ |
| – đồng hương | – lúng túng | – thơm dịu | – ướp |
| – ghê | – máy ảnh | – thưởng thức | – vàng nhạt |
| – giá lạnh | – ngum | – tiên | – xanh nước biển |
| – giếng | – nhường | – tím biếc | – xào |
| – hái (rau) | – nhường nhịn | – tạo điều kiện | – xây dựng |